

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.64	-0.02	0.13	-0.02	3Y	0.72	-0.002
1W	0.77	-0.01	0.17	-0.01	5Y	0.82	0.002
2W	0.87	-0.02	0.21	-0.02	7Y	1.21	-0.009
1M	1.16	-0.01	0.28	-0.03	10Y	2.15	0.004
2M	1.42	-0.02	0.37	-0.04	15Y	2.41	0.005
3M	1.56	-0.02	0.49	-0.04			
6M	1.83	0.03	0.83	0.00			
9M	2.45	0.04	1.17	0.03			
1Y	2.79	-0.12	1.23	0.03			

Nguồn: Reuters

**Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)**

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút rỗng	KL lưu hành
03-11-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
02-11-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
01-11-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

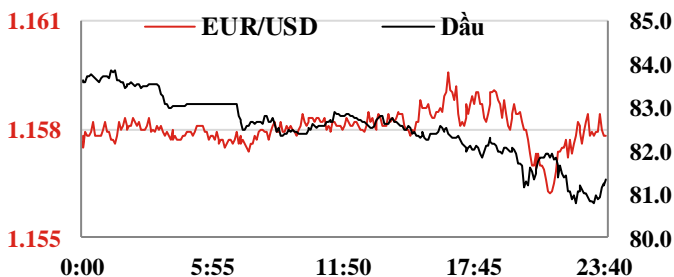
**Thị trường TPCP sơ cấp**

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	đơn vị: tỷ đồng			
			KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	3-Nov-21	5	1000	300	0.83%	0.01%
MOF	3-Nov-21	10	4500	4500	2.15%	0.00%
MOF	3-Nov-21	15	2000	1450	2.39%	0.04%
MOF	3-Nov-21	30	2000	1010	2.98%	0.00%
<b>Tổng</b>			<b>9500</b>	<b>7260</b>		

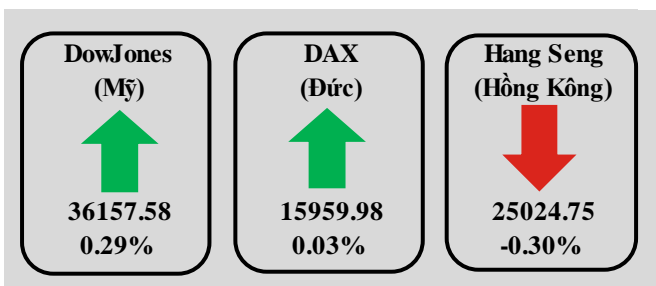
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1444.30	415.71	106.98
%/ngày	-0.56%	-1.98%	0.05%
%/31/12/2020	30.84%	104.7%	43.7%
KLGD (tr.đ.vị)	1505.10	216.14	168.5
GTGD (tỷ đ)	43208.87	5175.99	3375.14
NDINN mua (tỷ đ)	1828.37	16.86	0.93
NDINN bán (tỷ đ)	1545.89	30.10	1.39

**Tin trong nước ngày 03/11**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 03/11, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.140 VND/USD, giảm trở lại 10 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 22.750 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.784 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.750 VND/USD, tăng nhẹ 01 đồng so với phiên 02/11. Tỷ giá trên thị trường tự do giao dịch tại 23.520 VND/USD ở chiều mua vào và 23.600 VND/USD ở chiều bán ra.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 03/11, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,01 – 0,02 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,64%; 1W 0,77%; 2W 0,87 và 1M 1,16%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,03 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 0,13%; 1W 0,17%; 2W 0,21%, 1M 0,28%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở các kỳ hạn 3Y và 7Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 0,72%; 5Y 0,82%; 7Y 1,21%; 10Y 2,15%; 15Y 2,41%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 03/11, KBNN huy động thành công 7.260/9500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 76%). Trong đó, kỳ hạn 5 năm huy động được 300/1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10 năm huy động được toàn bộ 4.500 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm 1.450/2.000 tỷ đồng, và kỳ hạn 30 năm 1.010/2.000 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm 0,83%/năm (+0,01 đpt); kỳ hạn 10 năm không đổi ở 2,15%; kỳ hạn 15 năm 2,39% (+0,04 đpt); và kỳ hạn 30 năm không đổi ở 2,98%.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường chốt lời khiến giá nhiều cổ phiếu giảm sàn. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 8,16 điểm (-0,56%) xuống 1.444,30 điểm; HNX-Index giảm 8,41 điểm (-1,98%) còn 415,71 điểm; UPCoM-Index tăng nhẹ 0,05 điểm (+0,05%) lên 106,98 điểm. Thanh khoản thị trường đạt mức kỷ lục với tổng giá trị giao dịch đạt trên 51.760 tỷ VND. Khối ngoại mua ròng gần 269 tỷ VND trên cả ba sàn.
- Theo báo cáo của Vụ Ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính, thu NSNN thực hiện 10 tháng ước đạt 90,9% dự toán, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm 2020.** Trong đó, thu nội địa ước đạt 87,9% dự toán, tăng 1,9%; thu từ dầu thô ước đạt 143,6% dự toán, tăng 12,5%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 106,6% dự toán, tăng 27,7%. Về chi NSNN, thực hiện 10 tháng ước đạt 68,1% dự toán, trong đó: chi thường xuyên đạt 77% dự toán; chi trả nợ lãi đạt 77,6% dự toán. Riêng tiến độ giải ngân vốn đầu tư phát triển vẫn chậm được cải thiện, mới đạt 55,8% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (cùng kỳ năm 2020 đạt 27,25%), trong đó vốn trong nước đạt 60,89%, vốn ngoài nước chỉ đạt 15,29% kế hoạch.



	3 Nov 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	93.83	-0.27%	0.03%	4.33%
USD/CNY	6.41	0.10%	0.23%	-1.82%
USD/EUR	0.86	-0.28%	-0.05%	5.19%
USD/JPY	113.98	0.03%	0.15%	10.40%
USD/KRW	1178.78	0.03%	0.57%	8.70%
USD/SGD	1.35	-0.10%	-0.04%	2.02%
USD/TWD	27.80	-0.32%	-0.01%	-1.00%
USD/THB	33.30	0.12%	0.03%	10.85%
USD/VND Trung tâm	23140	-0.04%	0.04%	0.04%
USD/VND LNH	22750	0.004%	-0.03%	-1.46%
USD/VND tự do	23520	0.00%	0.68%	0.94%
Vàng	1769.52	-0.99%	-1.51%	-6.70%
Dầu	80.86	-3.63%	-2.18%	66.65%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0738	0.0016		
SW	0.0741	0.0008		
1M	0.0855	0.0046	0.3000	0.0000
2M	0.1148	0.0013		
3M	0.1398	-0.0052	0.4349	0.0000
6M	0.2185	-0.0023	0.5916	0.0000
1Y	0.3576	-0.0007	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 02/11/2021

### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	02/11/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	16/12/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	04/11/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/12/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	07/12/2021

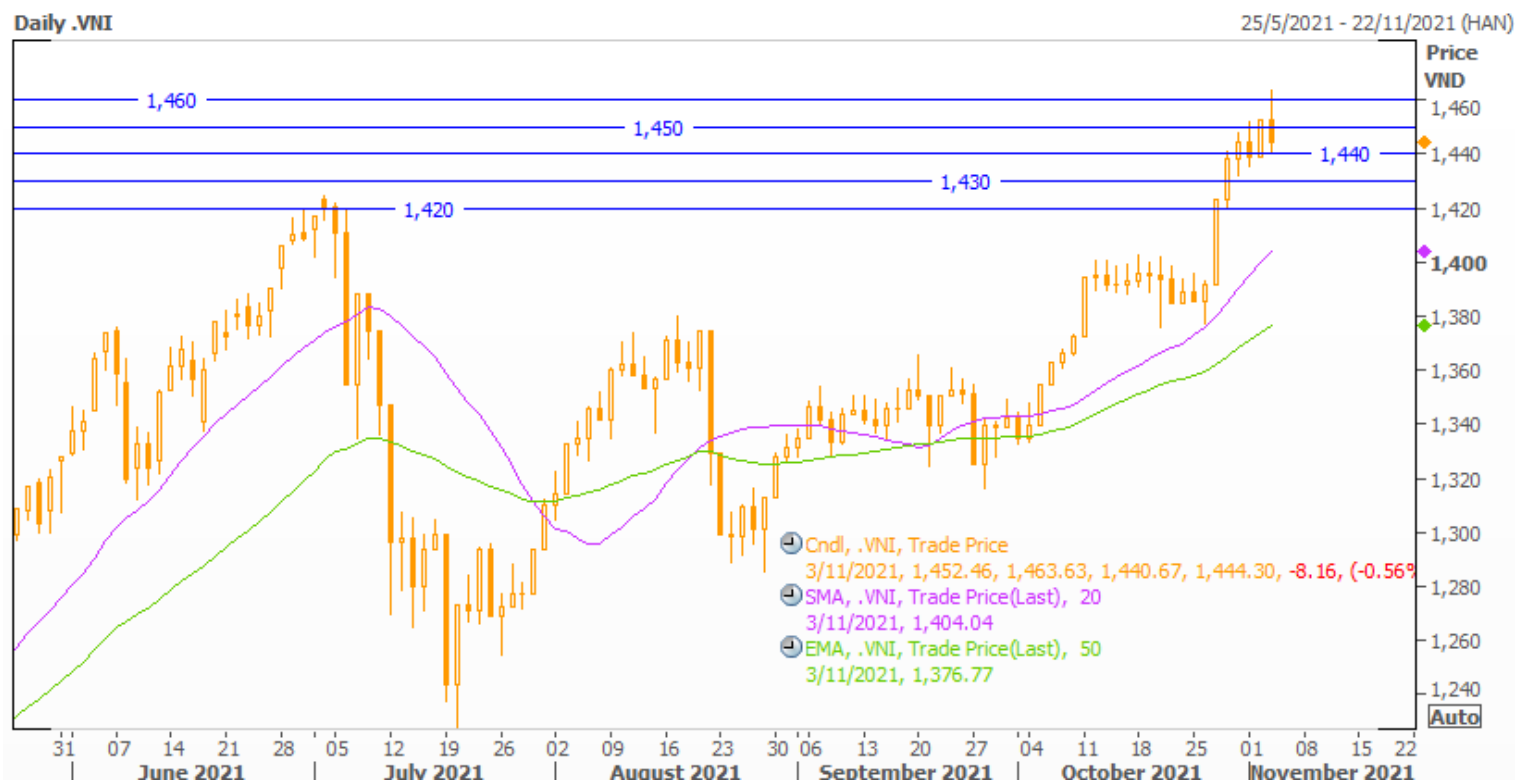
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

## Tin quốc tế

- Tại phiên họp chính sách diễn ra trong 2 ngày 2-3/11, các quan chức Ủy ban Thị trường mở Liên bang FOMC, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed đã quyết định giữ nguyên lãi suất chính sách và thu hẹp quy mô của gói mua tài sản QE.** Theo đó, lãi suất chính sách được giữ ở mức 0-0,25%. Từ cuối tháng 11, hàng tháng, Fed sẽ giảm 10 tỷ USD mua trái phiếu Kho bạc Mỹ và 5 tỷ USD mua chứng khoán có thể chấp, trong gói mua 120 tỷ gồm 80 tỷ TPKB và 40 tỷ chứng khoán mà Fed đang thực hiện nhằm hỗ trợ thị trường kể từ khi đại dịch Covid-19 bắt đầu. Như vậy, theo tính toán của các chuyên gia, với tốc độ này, chương trình mua tài sản sẽ kết thúc vào khoảng giữa năm 2022. Quyết định này đánh dấu sự khởi đầu của việc thu hẹp dần chương trình mua tài sản của Fed. Fed cho rằng, cùng với tiến độ tiêm vaccine, các chỉ số kinh tế và việc làm đã liên tục được cải thiện. Tuy nhiên, các trường hợp nhiễm Covid-19 tăng từ mùa hè 2021 đã làm chậm tiến trình này, rủi ro cản trở hồi phục kinh tế vẫn còn.
- Mỹ đón một số thông tin kinh tế tích cực.** Đầu tiên, khảo sát của ADP cho thấy nước Mỹ tạo ra 571 nghìn việc làm mới ở khu vực phi nông nghiệp trong tháng 10, cao hơn mức 523 nghìn của tháng 9 và đồng thời cao hơn kỳ vọng đạt mức 400 nghìn. Tiếp theo, Viện Quản lý Cung ứng ISM cho biết PMI lĩnh vực dịch vụ của nước Mỹ tăng vọt lên mức 66,7% trong tháng 10, trái với dự báo đi ngang ở mức 61,9% như kết quả của tháng 9. Cuối cùng, giá trị đơn đặt hàng nhà máy tại nước Mỹ tăng nhẹ 0,2% m/m trong tháng 9, nối tiếp đà tăng 1,0% của tháng 8 và trái với dự báo giảm nhẹ 0,2%.
- Tỷ lệ thất nghiệp tại Eurozone giảm nhẹ.** Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu cho biết tỷ lệ thất nghiệp của khu vực Eurozone ở mức 7,4% trong tháng 9, giảm nhẹ từ mức 7,5% của tháng 8 và khớp với dự báo. Đây là tỷ lệ thất nghiệp thấp thứ hai kể từ năm 2008 cho tới nay, chỉ cao hơn mức 7,3% của tháng 04/2020, đồng thời cũng là tháng thứ 7 liên tiếp mà thị trường lao động tại khu vực này cho thấy sự cải thiện. Nguyên nhân chính do Eurozone đẩy nhanh tốc độ tiêm chủng vaccine ở nhiều quốc gia và dần gỡ bỏ các biện pháp giãn cách xã hội.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
03-11	7:30	*	Số cấp phép xây dựng tại Úc mm T9	-4.3	-2.0	6.8
03-11	16:30	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Anh T10	59.1	58.0	58.0
03-11	17:00	*	Tỷ lệ thất nghiệp tại Eurozone T9	7.4	7.4	7.5
03-11	19:15	***	Số việc làm thay đổi khu vực phi nông nghiệp ADP Mỹ T10	571K	400K	523K
03-11	21:00	***	PMI lĩnh vực dịch vụ ISM Mỹ T10	66.7	61.9	61.9
03-11	21:00	*	Giá trị đơn đặt hàng nhà máy tại Mỹ mm T9	0.2	-0.2	1.0
04-11	1:00	***	LSCS Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed		0.1	0.1
04-11	7:30	*	Doanh số bán lẻ Úc mm T9		1.3	1.3
04-11	16:00	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Eurozone T10		54.7	54.7
04-11	19:00	***	LSCS NHTW Anh BOE		0.1	0.1
04-11	19:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we		273K	281K

## VN-INDEX



VN-Index giảm xuống mức 1444,30 điểm. Tuy giảm điểm nhưng dự báo VN-Index vẫn giữ được vùng hỗ trợ 1.420-1.425 điểm nên khả năng để hồi phục trong phiên tới là có thể xảy ra.

*Nguỡng hỗ trợ: 1.430 – 1.420*

*Nguỡng kháng cự: 1.450 – 1.460*

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)